

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương  
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo  
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 599/TTr-STC ngày 20 tháng 8 năm 2024, Công văn số 3226/STC-QLNS ngày 24 tháng 9 năm 2024 và Công văn số 3650/STC-QLNS ngày 24 tháng 10 năm 2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Khi các văn bản pháp luật được căn cứ để áp dụng trong Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng CSXH Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra công tác phía nam - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Thành viên BDD NHCSXH tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC, KGVXNV.Việt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh**

## QUY CHẾ

### Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

(Kèm theo Quyết định số 53 /2024/QĐ-UBND ngày 31 /10/2024 của UBND tỉnh)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương các cấp ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo, các đối tượng chính sách khác và để hỗ trợ vay vốn ưu đãi thực hiện một số hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp ủy thác qua NHCSXH để cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, gồm:**

#### 1. Nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp bổ sung hàng năm.

2. Nguồn kinh phí được trích từ tiền lãi thu được cho NHCSXH để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan không sử dụng hết số kinh phí được trích và không còn nhu cầu sử dụng tại điểm b khoản 3 Điều 10 Quy chế này và nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp ủy thác qua NHCSXH tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này.

3. Nguồn Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp ủy thác qua NHCSXH theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Quy chế này.

### **Điều 3. Nguyên tắc sử dụng vốn**

1. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng.

2. Việc xử lý nợ bị rủi ro tại Quy chế này chỉ áp dụng đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng dẫn đến người vay không trả được nợ. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp ủy thác qua NHCSXH chỉ để cho các đối tượng vay quy định tại Điều 6 Quy chế này, các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách để cho vay không đúng đối tượng, mục đích vay bị cấm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. NHCSXH có trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc bảo toàn và phát triển vốn ủy thác; kịp thời báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH và Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, chỉ đạo khi vốn ủy thác không được bảo toàn.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp**

1. Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh).

2. Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch (Phòng Kinh tế - Tài chính đối với huyện Phú Quý) (sau đây gọi chung là Phòng Tài chính - Kế hoạch) ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện).

3. NHCSXH nơi nhận ủy thác chủ trì lập hợp đồng ủy thác, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp ký hợp đồng ủy thác. Hợp đồng ủy thác gồm những nội dung chính: Thông tin của bên ủy thác, bên nhận ủy thác, nội dung công việc ủy thác, tổng giá trị ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác và các nội dung cần thiết khác liên quan.

## **Điều 5. Quy trình chuyển vốn, hình thức cấp phát, hạch toán chi**

### **1. Quy trình chuyển vốn**

a) Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh: Trên cơ sở kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kinh phí ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

Căn cứ Quyết định bổ sung vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH nơi nhận ủy thác; chuyển nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác sang NHCSXH theo hợp đồng ủy thác.

b) Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện: Trên cơ sở kế hoạch của ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, phòng tài chính - kế hoạch tham mưu ủy ban nhân dân cấp huyện trình hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định kinh phí ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

Căn cứ Quyết định bổ sung vốn của ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính - kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH nơi nhận ủy thác; chuyển nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác sang NHCSXH theo Hợp đồng ủy thác.

### **2. Hình thức cấp phát: Bằng lệnh chi tiền.**

3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước: Theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

## **Điều 6. Đối tượng cho vay**

1. Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Các đối tượng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội, bao gồm:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn.

b) Cá nhân người dân tộc thiểu số, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Hộ có mức sống trung bình tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương (ngoài đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

### **Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay**

1. Đối tượng tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và theo quy định hiện hành do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định đối với từng đối tượng cụ thể.

2. Đối tượng tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này

a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quy chế này: Tạo việc làm cho người lao động, góp phần ổn định sinh kế cho người lao động; phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn.

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quy chế này: Vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế.

c) Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Quy chế này: Vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế; hỗ trợ cải thiện nhà ở (đối với hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nêu tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quy chế này).

d) Đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Quy chế này: Vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế.

3. Đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

### **Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)**

1. Đối tượng tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này: Thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của NHCSXH do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Đối tượng tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này

a) Đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 Quy chế này: Thực hiện theo quy định về cho vay chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và hướng dẫn hiện hành của NHCSXH về cho vay chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

b) Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Quy chế này: Thực hiện theo quy định về cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo và cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo, Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg và hướng dẫn hiện hành của NHCSXH về cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Đối với cho vay hỗ trợ cải thiện nhà cho hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 và hướng dẫn hiện hành của NHCSXH.

c) Đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Quy chế này: Thực hiện như cho vay đối với hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo và Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg và theo hướng dẫn hiện hành của NHCSXH về cho vay hộ mới thoát nghèo.

3. Đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

### **Điều 9. Gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ: NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

### **Điều 10. Quản lý, hạch toán và sử dụng tiền lãi cho vay**

NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ,

Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý là 0,35%/tháng, trường hợp mức phí quản lý được Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH cao hơn 0,35%/tháng thì tính bằng mức do Thủ tướng Chính phủ giao. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng

a) Trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương.

Tỷ lệ được hưởng của từng cơ quan, đơn vị được thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ được trích cho các cơ quan, đơn vị để phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương.

b) Kết thúc năm tài chính, trường hợp không sử dụng hết số kinh phí được trích và không còn nhu cầu sử dụng, các đơn vị báo cáo gửi NHCSXH tổng hợp gửi cơ quan tài chính (gửi Sở Tài chính đối với nguồn vốn cấp tỉnh, phòng tài chính - kế hoạch đối với nguồn vốn cấp huyện) trình Ủy ban nhân dân cùng cấp điều chuyển phần kinh phí còn dư bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) sử dụng cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

### **Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan**

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan

Việc xử lý nợ rủi ro được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ



pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro: Đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH, Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg; Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH về quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH, Quyết định số 63/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng quản trị NHCSXH về sửa đổi, bổ sung nội dung quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT.

## 2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan.

a) Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Trên cơ sở kết quả thẩm định của Chi nhánh NHCSXH tỉnh về hồ sơ khách hàng đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan, Chi nhánh NHCSXH tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro (trừ trường hợp được quy định tại điểm c khoản này).

b) Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Trên cơ sở kết quả thẩm định của Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện về hồ sơ khách hàng đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan, Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, ban có liên quan tham mưu chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro (trừ trường hợp được quy định tại điểm c khoản này).

c) Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định việc gia hạn nợ bị rủi ro theo Quyết định số 7441/QĐ-NHCS ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc ủy quyền gia hạn nợ trong hệ thống NHCSXH.

## 3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan

a) Đối với các khoản vay từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cấp tỉnh đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh trích lập.

b) Đối với các khoản vay từ nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cấp huyện đã được Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện trích lập.

4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp, thực hiện như sau:

a) Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo phòng tài chính - kế hoạch chủ trì, phối hợp với phòng lao động - thương binh và xã hội đề xuất ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện ủy thác qua phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa:

a) Chi nhánh NHCSXH tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vào nguồn vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh ủy thác để cho vay theo quy định.

b) Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện chủ trì, phối hợp với phòng tài chính - kế hoạch cấp huyện tham mưu ủy ban nhân dân cấp huyện bổ sung vào nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện ủy thác để cho vay theo quy định.

### **Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay**

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng giám đốc NHCSXH.

### **Điều 13. Chế độ báo cáo**

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách ủy thác quy định tại Điều 2 của Quy chế này gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng thời gửi cho Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách ủy thác quy định tại Điều 2 của Quy chế này gửi ủy ban nhân dân cấp huyện (đồng thời gửi cho phòng tài chính - kế hoạch, phòng lao động - thương binh và xã hội cấp huyện).

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, địa phương**

#### **1. Cơ quan tài chính**

a) Hàng năm, căn cứ vào quy định của các bộ, ngành trung ương và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, cơ quan tài chính (Sở Tài chính tham mưu vốn kinh phí thường xuyên, phòng tài chính - kế hoạch cấp huyện tham mưu vốn đầu tư công/kinh phí thường xuyên) tham mưu ủy ban nhân dân trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ nguồn vốn từ ngân sách địa phương các cấp ủy thác cho NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. Căn cứ dự toán đã được hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính tham mưu ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH và thực hiện các bước theo quy trình chuyển vốn quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với NHCSXH nơi nhận ủy thác, các cơ quan có liên quan báo cáo ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét bổ sung ngân sách địa phương để xử lý nợ bị rủi ro, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH (trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ bù đắp để xử lý nợ bị rủi ro).

c) Chủ trì phối hợp với NHCSXH nơi nhận ủy thác và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn ngân sách địa phương các cấp ủy thác qua NHCSXH và kiểm tra việc quản lý, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 10 Quy chế này.

#### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh phối hợp Chi nhánh NHCSXH tỉnh triển khai cho vay các chương trình tín dụng liên quan 03 chương trình mục tiêu quốc gia do đơn vị chủ trì theo quy định của Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **4. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện**

a) Ký hợp đồng ủy thác với cơ quan tài chính cùng cấp.

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH theo đúng quy định, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 10 Quy chế này theo đúng quy định hiện hành.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan lập và thẩm định hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

#### 5. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

#### 6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương cấp huyện ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

b) Ủy quyền cho cơ quan tài chính ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH nơi nhận ủy thác; chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH theo hợp đồng ủy thác.

c) Chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

#### 7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ quá hạn, nợ khó đòi; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

**Điều 15. Xử lý vi phạm**

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 16. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với các khoản kinh phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp còn tồn trước đây được tiếp tục sử dụng theo nội dung, mức chi quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 cho đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định cụ thể tỷ lệ được hưởng cho các đơn vị có liên quan tại điểm a khoản 3 Điều 10 Quy chế này.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện ủy thác qua NHCSXH cho vay theo Đề án của từng giai đoạn, sau khi kết thúc giai đoạn, nguồn vốn thu hồi được tiếp tục ủy thác sang NHCSXH để thực hiện cho vay theo quy định của trung ương và Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này kể từ khi Quyết định có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các cơ quan, đơn vị và địa phương có báo cáo gửi về Sở Tài chính để rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.